

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THNH

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Chiến;
2. Ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu THnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu THnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trịnh Thị Kim H, sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: anh Trần Trung N, sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trịnh Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2003 tại ủy ban nhân dân xã Thanh Điền, huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là vợ chồng anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh N thường xuyên nhậu nhẹt không lo lắng cho gia đình. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể Hn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trung N.

Về con chung: chị H và anh N có với nhau 02 con chung: Trần Trung V, sinh ngày 30/10/2004 và Trần Thị Yến T, sinh ngày 16/9/2008.

Chị H yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Trần Trung N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo, quyết định và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp Hnh đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt anh N là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc ly hôn với anh N; Về con chung: chị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng 02 con chung: Trần Trung V, sinh ngày 30/10/2004 và Trần Thị Yến T, sinh ngày 16/9/2008. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu; Về tài sản chung: chị H không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: chị H xác định không có nên không giải quyết.

Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* bị đơn là anh Trần Trung N có nơi cư trú tại: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh.

Về thủ tục tố tụng: Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh N đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1

Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh N theo quy định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: chị H và anh N chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong đời sống vợ chồng, chị H và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, do thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh N không lo lắng cho cuộc sống gia đình. Qua kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, chị H và anh N có phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc, anh N ham chơi không lo lắng cho gia đình, chị H và anh N có nhiều lần gây gổ, đánh nhau và chính quyền địa phương đến giải quyết.

Đối với anh N: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N từ chối nhận văn bản, vắng mặt không có lý do, cho thấy anh N không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị H và anh N ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] *Về con chung*: chị H và anh N có 02 con chung là: Trần Trung V, sinh ngày 30/10/2004 và Trần Thị Yến T, sinh ngày 16/9/2008; khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; anh N vắng mặt nên không có tranh chấp nuôi con; bên cạnh đó, cháu V và cháu T đều có nguyện vọng sống với chị H nên Hội đồng xét xử xét thấy giao 02 con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị H không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định cũng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Kim H về việc ly hôn với anh Trần Trung N.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trịnh Thị Kim H và anh Trần Trung N được ly hôn.

2. Về con chung: chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Trần Trung V, sinh ngày 30/10/2004 và Trần Thị Yến T, sinh ngày 16/9/2008. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị H xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: chị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 00017332 ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Châu THnh. Chị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu THnh;
- THADS H.Châu THnh;
- Các đương sự;
- Cơ quan cấp GCNKH;
- Lưu

Nguyễn Quốc Hùng